

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 455/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tHng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tô H, sinh năm 1958; địa chỉ: 162/67 đường Trần Quý, Phường X, Quận Y, Thành phố M;

Bị đơn: Bà Lê Lương B, sinh năm 1960; địa chỉ: 162/67 đường Trần Quý, Phường X, Quận Y, Thành phố M.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tHng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Huỳnh Tô H, sinh năm 1958; địa chỉ: 162/67 đường Trần Quý, Phường X, Quận Y, Thành phố M;

Bà Lê Lương B, sinh năm 1960; địa chỉ: 162/67 đường Trần Quý, Phường X, Quận Y, Thành phố M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Tô H và bà Lê Lương B thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 50, Quyển số I do Ủy ban nhân dân Quận Y1, Thành phố M cấp ngày 30/11/1979 không còn giá trị).

b. Về con chung: Có 05 con chung tên Châu Lê H, sinh ngày 15/12/1981 (đã trên 18 tuổi), Huỳnh Lê N, sinh ngày 23/4/1980 (đã trên 18 tuổi), Huỳnh Chí C, sinh ngày 07/10/1983 (đã trên 18 tuổi), Huỳnh Chí T, sinh ngày 05/02/1987 (đã trên 18 tuổi) và Huỳnh Huệ L, sinh ngày 27/01/1997 (đã trên 18 tuổi). Không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

c. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung: Không có.

đ. Về án phí: Ông Huỳnh Tô H tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004483 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố M; Hoàn lại cho ông H số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kHng cáo, kHng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.M;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục THADS Quận Y;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân Quận Y1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHN

Nguyễn Mỹ Duyên

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).